



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 76/2020/KT-SGW

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483

Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Số liệu trước kiểm toán | Số liệu sau kiểm toán | Chênh lệch      |
|---|-------|-------------------------|-----------------------|-----------------|
| 1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)            | 10    | 63.019.665.902          | 63.019.665.902        |                 |
| 2 Giá vốn hàng bán  | 11    | 117.057.527.313         | 117.057.527.313       |                 |
| 3 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)              | 20    | (54.037.861.411)        | (54.037.861.411)      | -               |
| 4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)] | 30    | (186.418.534.047)       | (186.418.534.047)     | -               |
| 5 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)   | 40    | 199.492.239.756         | 199.492.239.756       | -               |
| 6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                          | 50    | 13.073.705.709          | 13.073.705.709        | -               |
| 7 Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 51    | 9.095.742.526           | 3.283.277.649         | (5.812.464.877) |
| 8 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)              | 60    | 3.977.963.183           | 9.790.428.060         | 5.812.464.877   |

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh công ty mẹ năm 2019 đã được kiểm toán cao hơn khoảng 146% (tương đương 5.812.464.877 đồng) so với Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh tại thời điểm Công ty công bố BCTC công ty mẹ Quý 04/2019 và Lũy kế năm 2019 là do chủ yếu phát sinh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính lại theo Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Công ty nhận thấy quan điểm của kiểm toán là hợp lý nên đã đồng ý điều chỉnh số liệu dẫn đến có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán nêu trên.

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:  
+ Như trên  
+ Lưu



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN VĂN THÀNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2020

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                           | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC             | 1 - 3        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                 | 4 - 5        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN |              |
| Bảng Cân đối kế toán                      | 6 - 7        |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh      | 8            |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ                | 9 - 10       |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng       | 11 - 47      |

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 VND, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CIH") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 137 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 159).

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: 'Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: SII.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| Ông Lê Vũ Hoàng                   | Chủ tịch   |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm            | Thành viên                                       |
| Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr | Thành viên                                       |
| Ông Lê Quốc Bình                  | Thành viên                                       |
| Ông Nguyễn Văn Thành              | Thành viên                                       |
| Ông Ferdinand Dela Cruz           | Thành viên                                       |
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai           | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)   |
| Ông Nguyễn Xuân Giao              | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)   |
| Ông Trần Thái Tùng                | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)   |
| Ông Lê Anh Thi                    | Thành viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019) |

##### Ban kiểm soát

|  |  |
|--|--|
| Bà Victoria P. Sugapong                | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)   |
| Ông Nguyễn Văn Chính                   | Thành viên                                       |
| Bà Võ Hoàng Oanh                       | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)   |
| Ông Luis Juan B. Oreta                 | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Mohammed Abdallah Humaid Al Harthi | Thành viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019) |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Ban Tổng Giám đốc**

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| Ông Nguyễn Văn Thành        | Tổng Giám đốc   |
| Ông John Walter E.Tendencia | Phó Tổng Giám đốc   |
| Ông Alvin S.Evangelista     | Giám đốc kiểm soát tài chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019)   |
| Ông Châu Ngọc Trọng         | Giám đốc kỹ thuật   |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh     | Giám đốc tài chính  |
| Bà Lourdes Ma Dalusung      | Giám đốc kiểm soát tài chính (miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019) |

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 10 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP theo như hợp đồng đã ký kết trước đó.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 80.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con này giảm từ 51% xuống 49%. Như vậy, Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê chính thức trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Ngoài sự kiện trên, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



*Nguyễn Văn Thành*  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Số: 392/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các Công ty con là Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku và Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê với số tiền lần lượt là 46.379.499.955 đồng và 4.178.000.000 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4a của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm. Đây là các khoản hỗ trợ vốn cho các công ty con trong giai đoạn khó khăn do sản lượng phát nước của các công ty con này chưa đạt công suất thiết kế. Công ty đã có kế hoạch thoái vốn tại các công ty con này trong năm 2020. Với các thông tin hiện có, chúng tôi chưa thu thập đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của các khoản phải thu này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính năm 2019.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng, thể hiện rằng đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 40.246.362.243 VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị thâm hụt trong hai năm liên tục. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có kế hoạch thoái vốn tại các công ty con để cải thiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và công ty mẹ là Công ty CII sẽ hỗ trợ tài chính khi cần thiết. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Ngoài ra chúng tôi cũng lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số 5.12b - Các khoản đầu tư tài chính, là toàn bộ vốn góp của Công ty vào hai công ty con là Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, lần lượt là 321.174.000.000 đồng và 220.000.000.000 đồng, đã được đem đi góp vốn hợp tác đầu tư ngược lại vào Công ty (xem thêm tại thuyết minh số 5.18 - Phải trả khác). Việc góp vốn đầu tư vào các Công ty con trên và số vốn góp được các Công ty con này đem đi hợp tác đầu tư với Công ty mẹ đã làm tăng Tài sản và Nợ phải trả dài hạn tương ứng trong Bảng cân đối kế toán của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc thành lập các Công ty con trên là đúng theo chiến lược đầu tư và quy định ban đầu về thực hiện tiếp nhận các Dự án trong ngành nước mà Công ty đã và sẽ triển khai sau khi thành lập. Do những lý do khách quan và chủ quan làm cho hoạt động của các Công ty con trên chưa thực hiện được như kế hoạch thành lập ban đầu.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.12 về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức: Công ty chưa thực hiện đánh giá được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng, giá trị của khoản đầu tư này không bị suy giảm.



Phan Huy Thăng  
Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Nguyễn Thị Ngọc Châm  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM  
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network  
Tp. Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh  | 31/12/2019<br>VND        | 01/01/2019<br>VND        |
|---|------------|--------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |              | <b>288.481.401.797</b>   | <b>334.999.881.478</b>   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | <b>110</b> | <b>5.1</b>   | <b>6.097.646.180</b>     | <b>121.405.842.674</b>   |
| 1. Tiền                                       | 111        |              | 6.097.646.180            | 3.041.713.192            |
| 2. Các khoản tương đương tiền                 | 112        |              | -                        | 118.364.129.482          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | <b>120</b> |              | <b>51.284.800.000</b>    | <b>-</b>                 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn            | 123        | 5.12a        | 51.284.800.000           | -                        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |              | <b>198.505.354.370</b>   | <b>193.377.412.925</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng           | 131        | 5.2          | 7.619.752.230            | 24.071.937.424           |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn           | 132        | 5.3          | 137.000.000              | 5.263.692.639            |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn               | 135        | 5.4a         | 50.657.499.955           | -                        |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                     | 136        | 5.5a         | 142.083.011.433          | 167.194.030.880          |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi         | 137        | 5.6          | (3.024.221.919)          | (3.152.248.018)          |
| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý                    | 139        |              | 1.032.312.671            | -                        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b> |              | <b>12.695.660.264</b>    | <b>13.651.202.369</b>    |
| 1. Hàng tồn kho                               | 141        | 5.7          | 12.695.660.264           | 13.651.202.369           |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>               | <b>150</b> |              | <b>19.897.940.983</b>    | <b>6.565.423.510</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 151        | 5.8a         | 370.592.028              | 260.665.479              |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                    | 152        |              | 9.844.378.997            | 6.304.758.031            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước   | 153        | 5.15a        | 9.682.969.958            | -                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |              | <b>2.680.725.226.435</b> | <b>2.846.050.205.864</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |              | <b>238.400.000</b>       | <b>27.977.617.253</b>    |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn                | 215        | 5.4b         | -                        | 27.759.217.253           |
| 2. Phải thu dài hạn khác                      | 216        | 5.5b         | 238.400.000              | 218.400.000              |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |              | <b>1.619.601.307.788</b> | <b>1.647.585.525.655</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | 5.9          | 1.617.875.048.059        | 1.647.510.230.497        |
| - Nguyên giá                                  | 222        |              | 1.800.151.302.073        | 1.764.938.136.831        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |              | (182.276.254.014)        | (117.427.906.334)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | 5.10         | 1.726.259.729            | 75.295.158               |
| - Nguyên giá                                  | 228        |              | 1.850.354.180            | 90.354.180               |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |              | (124.094.451)            | (15.059.022)             |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |              | <b>2.415.563.635</b>     | <b>5.691.353.422</b>     |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 242        | 5.11         | 2.415.563.635            | 5.691.353.422            |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>5.12b</b> | <b>1.052.782.693.041</b> | <b>1.159.103.006.109</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        |              | 839.800.000.000          | 850.000.000.000          |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết    | 252        |              | 119.659.788.611          | 119.659.788.611          |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             | 253        |              | 143.153.395.000          | 194.438.195.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn          | 254        |              | (49.830.490.570)         | (4.994.977.502)          |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |              | <b>5.687.261.971</b>     | <b>5.692.703.425</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | 5.8b         | 5.687.261.971            | 5.692.703.425            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200) | <b>270</b> |              | <b>2.969.206.628.232</b> | <b>3.181.050.087.342</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2019<br>VND        | 01/01/2019<br>VND        |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>1.882.386.070.047</b> | <b>2.101.876.316.133</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>328.727.764.040</b>   | <b>148.424.844.865</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 5.13        | 28.676.431.680           | 19.990.304.484           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        | 5.14a       | 81.064.029.400           | -                        |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 5.15b       | 566.407.237              | 9.753.009.654            |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | -                        | 141.374.875              |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 5.16        | 15.440.335.317           | 14.520.769.695           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 5.18a       | 1.495.651.669            | 999.626.618              |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 5.19a       | 200.590.700.000          | 102.120.000.000          |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 894.208.737              | 899.759.539              |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>1.553.658.306.007</b> | <b>1.953.451.471.268</b> |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn                           | 332        | 5.14b       | -                        | 80.976.000.000           |
| 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                           | 336        | 5.17        | -                        | 200.000.000.008          |
| 3. Phải trả dài hạn khác                                      | 337        | 5.18b       | 850.000.000.000          | 850.000.000.000          |
| 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                           | 338        | 5.19b       | 703.658.306.007          | 822.475.471.260          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>1.086.820.558.185</b> | <b>1.079.173.771.209</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>5.20</b> | <b>1.086.820.558.185</b> | <b>1.079.173.771.209</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 645.160.000.000          | 645.160.000.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 645.160.000.000          | 645.160.000.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 162.330.434.000          | 162.330.434.000          |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 14.050.117.118           | 11.906.476.034           |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 265.280.007.067          | 259.776.861.175          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 255.489.579.007          | 212.126.564.226          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 9.790.428.060            | 47.650.296.949           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br>(440 = 300 + 400)               | <b>440</b> |             | <b>2.969.206.628.232</b> | <b>3.181.050.087.342</b> |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020



Phùng Thị Thắm  
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019<br>VND   | Năm 2018<br>VND   |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                              | 01    | 5.21        | 63.019.665.902    | 45.612.662.902    |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02    | 5.21        | -                 | -                 |
| 3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)                                      | 10    | 5.21        | 63.019.665.902    | 45.612.662.902    |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11    | 5.22        | 117.057.527.313   | 100.871.580.191   |
| 5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)               | 20    |             | (54.037.861.411)  | (55.258.917.289)  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                       | 21    | 5.23        | 41.735.582.024    | 69.229.485.323    |
| 7. Chi phí tài chính   | 22    | 5.24        | 143.522.595.571   | 95.486.022.373    |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay  | 23    |             | 87.823.684.648    | 89.715.369.727    |
| 8. Chi phí bán hàng  | 25    | 5.25        | 8.836.095.459     | 8.681.691.390     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26    | 5.26        | 21.757.563.630    | 30.486.840.997    |
| 10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)] | 30    |             | (186.418.534.047) | (120.683.986.726) |
| 11. Thu nhập khác  | 31    | 5.27        | 200.516.698.174   | 200.033.099.545   |
| 12. Chi phí khác   | 32    | 5.28        | 1.024.458.418     | 8.417.012.425     |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                      | 40    |             | 199.492.239.756   | 191.616.087.120   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                   | 50    |             | 13.073.705.709    | 70.932.100.394    |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                       | 51    | 5.29        | 3.283.277.649     | 23.281.803.445    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                        | 52    |             | -                 | -                 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)       | 60    |             | 9.790.428.060     | 47.650.296.949    |

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Năm 2019<br>VND   | Năm 2018<br>VND   |
|---|-------|-------------------|-------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>   |       |                   |                   |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01    | 13.073.705.709    | 70.932.100.394    |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản   |       |                   |                   |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT  | 02    | 64.957.383.109    | 65.152.124.978    |
| Các khoản dự phòng  | 03    | 49.702.464.471    | 8.106.079.285     |
| Lãi từ hoạt động đầu tư   | 05    | (36.637.663.351)  | (61.388.564.803)  |
| Chi phí lãi vay   | 06    | 88.582.984.648    | 90.474.669.725    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                | 08    | 179.678.874.586   | 173.276.409.579   |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu  | 09    | 13.814.915.428    | 8.535.513.749     |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho  | 10    | 955.542.105       | 1.174.106.560     |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả) | 11    | (192.310.840.804) | (168.482.350.223) |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước   | 12    | (104.485.095)     | (1.364.006.915)   |
| Tiền lãi vay đã trả   | 14    | (88.287.445.591)  | (89.638.081.289)  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15    | (22.024.573.237)  | (14.433.038.607)  |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17    | (5.550.802)       | (2.783.461.101)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh   | 20    | (108.283.563.410) | (93.714.908.247)  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |       |                   |                   |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                               | 21    | (29.181.290.425)  | (14.801.704.487)  |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                            | 22    | -                 | 345.454.546       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác   | 23    | (19.518.000.000)  | (17.700.000.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                 | 24    | 40.000.000.000    | 152.479.339.130   |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 26    | 107.103.825       | -                 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 27    | 22.673.318.769    | 72.025.496.112    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư   | 30    | 14.081.132.169    | 192.348.585.301   |

KẾ TÍNH TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Năm 2019<br>VND   | Năm 2018<br>VND  |
|--|-------|-------------------|------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>       |       |                   |                  |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                    | 33    | 124.100.000.000   | -                |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                   | 34    | (145.205.765.253) | (22.299.003.606) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu               | 36    | -                 | (15.000.000)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính             | 40    | (21.105.765.253)  | (22.314.003.606) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm<br>(50 = 20 + 30 + 40)   | 50    | (115.308.196.494) | 76.319.673.448   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                         | 60    | 121.405.842.674   | 45.086.169.226   |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm<br>(70 = 50 + 60 + 61) | 70    | 6.097.646.180     | 121.405.842.674  |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 đồng, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”) với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 137 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 159).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: SII.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lắp dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

##### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### 1.4 Các sự kiện quan trọng đã xảy ra năm tài chính

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, Công ty đã ban hành nghị quyết số 03/2019/SGW/NQ-HDQT về việc giải thể công ty con là Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á. Đến ngày 31 tháng 10 năm 2019, công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á đã ngưng hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào bảy (07) công ty con và một (01) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

| Tên công ty                                 | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính                           |
|---|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|---|
| <b><u>Công ty con</u></b>                   |                            |                             |                            |   |
| 1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro          | Tp. Hồ Chí Minh            | 85,00%                      | 85,00%                     | Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước           |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia | Tỉnh Lâm Đồng              | 90,00%                      | 90,00%                     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước         |
| 3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku  | Tỉnh Gia Lai               | 55,00%                      | 55,00%                     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước         |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi    | Tp. Hồ Chí Minh            | 50,98%                      | 50,98%                     | Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch     |
| 5. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê    | Tỉnh Gia Lai               | 51,00%                      | 51,00%                     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước         |
| 6. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai   | Tỉnh Gia Lai               | 51,00%                      | 51,00%                     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước         |
| 7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)     | Tp. Hồ Chí Minh            | 100,00%                     | 100,00%                    | Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật |
| <b><u>Công ty liên kết</u></b>              |                            |                             |                            |   |
| 1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp     | Tp. Hồ Chí Minh            | 43,00%                      | 43,00%                     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước         |

(i) Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 46.058.827.120 VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị thâm hụt trong hai năm liên tục. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

###### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

###### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

###### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

###### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

*a. Nguyên tắc kế toán (tiếp theo)*

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

*b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

|                                 | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc           | 20            |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 30        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý        | 3 - 5         |

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,....

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối trọng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

##### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | 31/12/2019           | 01/01/2019             |
|---------------------------------|----------------------|------------------------|
|                                 | VND                  | VND                    |
| Tiền mặt                        | 214.824.489          | 1.071.959.945          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.882.821.691        | 1.969.753.247          |
| Các khoản tương đương tiền      | -                    | 118.364.129.482        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>6.097.646.180</b> | <b>121.405.842.674</b> |

Các khoản tương đương tiền đầu kỳ là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | 31/12/2019           | 01/01/2019            |
|---|----------------------|-----------------------|
|   | VND                  | VND                   |
| Phải thu bên liên quan                        | 1.231.713.290        | 15.031.713.290        |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro               | 1.231.713.290        | 15.031.713.290        |
| Khách hàng khác                               | 6.388.038.940        | 9.040.224.134         |
| Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi | 6.388.038.940        | 8.999.077.899         |
| Các khoản phải thu khách hàng khác            | -                    | 41.146.235            |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>7.619.752.230</b> | <b>24.071.937.424</b> |

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | 31/12/2019         | 01/01/2019           |
|--|--------------------|----------------------|
|  | VND                | VND                  |
| Công ty TNHH MTV Nguyễn Hoàng Phúc     | -                  | 3.854.898.687        |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ | -                  | 880.000.000          |
| Các khoản trả trước cho người bán khác | 137.000.000        | 528.793.952          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>137.000.000</b> | <b>5.263.692.639</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.4 Phải thu về cho vay**

|  | 31/12/2019            | 01/01/2019            |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                             |                       |                       |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                  |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)  | 46.379.499.955        | -                     |
| Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)     | 4.178.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi          | 100.000.000           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                    | <u>50.657.499.955</u> | <u>-</u>              |
| <b>b. Dài hạn</b>                              |                       |                       |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                  |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (ii) | -                     | <u>27.759.217.253</u> |

(i) Công ty đã cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku vay với hạn mức 50.200.000.000 VND để bổ sung nguồn vốn lưu động theo hợp đồng hỗ trợ vốn. Thời hạn giải ngân hỗ trợ vốn đến hết năm 2019. Lãi suất khoản hỗ trợ được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản cho vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất trong năm là 9,8%/năm, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 lãi suất cho vay là 11%/năm.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê vay theo hợp đồng hỗ trợ vốn để bổ sung vốn lưu động. Khoản cho vay sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, lãi suất cho vay cố định trong năm là 10,03%/năm, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 lãi suất cho vay là 11%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.5 Phải thu khác**

|  | 31/12/2019             | 01/01/2019             |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND                    |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                               |                        |                        |
| Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)  | 101.300.373.374        | 141.300.373.374        |
| Phải thu tiền lãi trả chậm (i)                   | 34.012.722.132         | 24.264.744.321         |
| Phải thu về cổ tức được chia                     | 6.300.000.000          | -                      |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn                         | -                      | 800.000.000            |
| Tạm ứng cho nhân viên                            | 30.000.000             | 23.000.000             |
| Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm     | 177.153.427            | 493.150.685            |
| Phải thu ngắn hạn khác                           | 262.762.500            | 312.762.500            |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>142.083.011.433</b> | <b>167.194.030.880</b> |
| <b>b. Dài hạn</b>                                |                        |                        |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn                          | 238.400.000            | 218.400.000            |
| <i>Trong đó, phải thu khác với bên liên quan</i> |                        |                        |
| Công ty CII                                      | 135.313.095.506        | 165.565.117.695        |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa         | 6.300.000.000          | -                      |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia | 218.400.000            | 218.400.000            |
| Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê            | 177.153.427            | -                      |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi            | -                      | 50.000.000             |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>142.008.648.933</b> | <b>165.833.517.695</b> |

(i) Đây là số dư phải thu Công ty CII từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Công ty CII phải thanh toán lãi trả chậm cho Công ty với lãi suất thả nổi theo lãi cho vay của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, lãi suất trong năm là 9,1%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|                                  | 31/12/2019     |                                  |                 | 01/01/2019     |                                  |                 |
|----------------------------------|----------------|----------------------------------|-----------------|----------------|----------------------------------|-----------------|
|                                  | Giá gốc<br>VND | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 7.619.752.230  | 4.595.530.311                    | (3.024.221.919) | 9.040.224.134  | 6.687.976.116                    | (2.352.248.018) |
| Phải thu khác                    | -              | -                                | -               | 800.000.000    | -                                | (800.000.000)   |
| Cộng                             | 7.619.752.230  | 4.595.530.311                    | (3.024.221.919) | 9.840.224.134  | 6.687.976.116                    | (3.152.248.018) |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.7 Hàng tồn kho**

|  | 31/12/2019            |                 | 01/01/2019            |                 |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu                  | 12.695.660.264        | -               | 12.662.857.073        | -               |
| Chi phí sản xuất kinh<br>doanh dở dang | -                     | -               | 988.345.296           | -               |
| <b>Cộng</b>                            | <b>12.695.660.264</b> | <b>-</b>        | <b>13.651.202.369</b> | <b>-</b>        |

**5.8 Chi phí trả trước**

|   | 31/12/2019           | 01/01/2019           |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                |                      |                      |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                        | 43.387.728           | 146.954.260          |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác                   | 327.204.300          | 113.711.219          |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>370.592.028</b>   | <b>260.665.479</b>   |
| <b>b. Dài hạn</b>                                 |                      |                      |
| Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước | 5.546.204.634        | 4.767.275.178        |
| Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng               | -                    | 164.986.816          |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                        | 14.153.201           | 714.446.260          |
| Chi phí trả trước dài hạn khác                    | 126.904.136          | 45.995.171           |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>5.687.261.971</b> | <b>5.692.703.425</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

|                                | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc<br>VND | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn<br>VND | Thiết bị<br>dụng cụ quản lý<br>VND | Cộng<br>VND              |
|--------------------------------|----------------------------------|---|------------------------------------|--------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>              |                                  |   |                                    |                          |
| Tại ngày 01/01/2019            | 96.532.991.903                   | 1.666.992.135.837                         | 1.413.009.091                      | 1.764.938.136.831        |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành (i) | -                                | 35.213.165.242                            | -                                  | 35.213.165.242           |
| Tại ngày 31/12/2019            | <u>96.532.991.903</u>            | <u>1.702.205.301.079</u>                  | <u>1.413.009.091</u>               | <u>1.800.151.302.073</u> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>  |                                  |   |                                    |                          |
| Tại ngày 01/01/2019            | 9.651.764.218                    | 107.690.558.782                           | 85.583.334                         | 117.427.906.334          |
| Khấu hao trong năm             | 4.826.721.624                    | 59.868.825.148                            | 152.800.908                        | 64.848.347.680           |
| Tại ngày 31/12/2019            | <u>14.478.485.842</u>            | <u>167.559.383.930</u>                    | <u>238.384.242</u>                 | <u>182.276.254.014</u>   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>         |                                  |   |                                    |                          |
| Tại ngày 01/01/2019            | 86.881.227.685                   | 1.559.301.577.055                         | 1.327.425.757                      | 1.647.510.230.497        |
| Tại ngày 31/12/2019            | <u>82.054.506.061</u>            | <u>1.534.645.917.149</u>                  | <u>1.174.624.849</u>               | <u>1.617.875.048.059</u> |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 822.399.996 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 30.000.000 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.795.995.049.349 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 1.760.761.855.016 VND) (xem thêm tại thuyết minh 5.19).

(i) Trong năm, Công ty đã kết chuyển tăng nguyên giá tài sản đối với hệ thống mạng lưới cấp nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng của phần 3, giai đoạn 2 thuộc dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

|                               | Chương trình<br>phần mềm<br>VND |
|-------------------------------|---------------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                                 |
| Tại ngày 01/01/2019           | 90.354.180                      |
| Mua trong năm                 | <u>1.760.000.000</u>            |
| Tại ngày 31/12/2019           | <u>1.850.354.180</u>            |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                 |
| Tại ngày 01/01/2019           | 15.059.022                      |
| Khấu hao trong năm            | <u>109.035.429</u>              |
| Tại ngày 31/12/2019           | <u>124.094.451</u>              |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                 |
| Tại ngày 01/01/2019           | 75.295.158                      |
| Tại ngày 31/12/2019           | <u>1.726.259.729</u>            |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.760.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 0 VND) (xem thêm tại thuyết minh 5.19).

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | 31/12/2019<br>VND    | 01/01/2019<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí đầu tư mở rộng Dự án Củ Chi  | 2.415.563.635        | -                    |
| Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi | -                    | 5.691.353.422        |
| <b>Cộng</b>  | <u>2.415.563.635</u> | <u>5.691.353.422</u> |

Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Nhà nước là 600.000.000.000 VND, Dự án được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 đã nghiệm thu quyết toán và đưa vào sử dụng với tổng nguyên giá là 1.342.176.452.690 VND, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 799.100.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã ghi nhận tăng phần nguyên giá tài sản đã hoàn thành đưa vào sử dụng của giai đoạn 2 là 453.818.596.659 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.12 Đầu tư tài chính**

|                                       | 31/12/2019          |                        |                         |                       | 01/01/2019          |                        |                        |                       |
|---------------------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                       | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                    |                     |                        |                         |                       |                     |                        |                        |                       |
| Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ (i) | 3.374.000           | 51.284.800.000         | -                       | 80.976.000.000        | -                   | -                      | -                      | -                     |
| <b>b. Dài hạn</b>                     |                     |                        |                         |                       |                     |                        |                        |                       |
| Đầu tư vào công ty con                |                     |                        |                         |                       |                     |                        |                        |                       |
| Công ty CP Cấp thoát nước Củ Chi      | 32.117.400          | 321.174.000.000        | -                       | (ii) 32.117.400       | 321.174.000.000     | -                      | (ii)                   |                       |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN      | -                   | 220.000.000.000        | -                       | (ii) -                | 220.000.000.000     | -                      | (ii)                   |                       |
| Công ty CP Cấp thoát nước Gia Lai     | 9.180.000           | 121.176.000.000        | -                       | (ii) 9.180.000        | 121.176.000.000     | -                      | (ii)                   |                       |
| Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đan Kia   | 9.000.000           | 105.000.000.000        | -                       | (ii) 9.000.000        | 105.000.000.000     | -                      | (ii)                   |                       |
| Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Pleiku  | 4.950.000           | 49.500.000.000         | (36.032.352.465)        | (ii) 4.950.000        | 49.500.000.000      | -                      | (ii)                   |                       |
| Công ty CP Nước Sài Gòn - An Khê      | 2.040.000           | 20.400.000.000         | (13.798.138.105)        | (ii) 2.040.000        | 20.400.000.000      | -                      | (ii)                   |                       |
| Công ty CP Giải pháp mang nước Châu Á | -                   | -                      | -                       |                       | 1.020.000           | 10.200.000.000         | (4.994.977.502)        | (ii)                  |
| Công ty CP Kỹ thuật Enviro            | 25.500              | 2.550.000.000          | -                       | (ii) 25.500           | 2.550.000.000       | -                      | (ii)                   |                       |
| <b>Cộng</b>                           | <b>57.312.900</b>   | <b>839.800.000.000</b> | <b>(49.830.490.570)</b> |                       | <b>58.332.900</b>   | <b>850.000.000.000</b> | <b>(4.994.977.502)</b> |                       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.12 Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

|  | 31/12/2019          |                        |                 |                       | 01/01/2019          |                        |                 |                       |
|--|---------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|
|  | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Số lượng<br>Cổ phần | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <b>b. Dài hạn (tiếp theo)</b>            |                     |                        |                 |                       |                     |                        |                 |                       |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  |                     |                        |                 |                       |                     |                        |                 |                       |
| Công ty CP Đầu tư<br>Nước Tân Hiệp       | 10.320.000          | 119.659.788.611        | -               | (ii)                  | 10.320.000          | 119.659.788.611        | -               | (ii)                  |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác           |                     |                        |                 |                       |                     |                        |                 |                       |
| Công ty CP BOO Nước<br>Thủ Đức           | 409.114             | 143.153.395.000        | -               | (ii)                  | 409.114             | 143.153.395.000        | -               | (ii)                  |
| Công ty CP Cấp thoát<br>nước Cần Thơ (i) | -                   | -                      | -               | -                     | 3.374.000           | 51.284.800.000         | -               | 80.976.000.000        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>409.114</b>      | <b>143.153.395.000</b> | <b>-</b>        |                       | <b>3.783.114</b>    | <b>194.438.195.000</b> | <b>-</b>        |                       |

- (i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được xác định theo giá bán cổ phiếu trong tương lai căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng Công ty đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ngày 28 tháng 12 năm 2017. Việc chuyển nhượng khoản đầu tư này đã hoàn tất vào ngày 10 tháng 2 năm 2020. do đó Công ty phân loại giá trị đầu tư vào công ty này sang đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | 31/12/2019            |                           | 01/01/2019            |                           |
|--|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
|  | Giá trị VND           | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND           | Số có khả năng trả nợ VND |
| Bên liên quan                              | 1.862.200.868         | 1.862.200.868             | 5.732.734.177         | 5.732.734.177             |
| Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á | -                     | -                         | 5.054.561.677         | 5.054.561.677             |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII       | -                     | -                         | 678.172.500           | 678.172.500               |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro            | 1.862.200.868         | 1.862.200.868             | -                     | -                         |
| Nhà cung cấp khác                          | 26.814.230.812        | 26.814.230.812            | 14.257.570.307        | 14.257.570.307            |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông         | 17.690.676.615        | 17.690.676.615            | 8.740.797.065         | 8.740.797.065             |
| Manila Water South Asia Holdings PTE.Ltd.  | 4.886.899.391         | 4.886.899.391             | -                     | -                         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc   | 3.248.277.836         | 3.248.277.836             | 3.481.994.396         | 3.481.994.396             |
| Các nhà cung cấp khác                      | 988.376.970           | 988.376.970               | 2.034.778.846         | 2.034.778.846             |
| <b>Cộng</b>                                | <b>28.676.431.680</b> | <b>28.676.431.680</b>     | <b>19.990.304.484</b> | <b>19.990.304.484</b>     |

**5.14 Người mua trả tiền trước**

|   | 31/12/2019 VND        | 01/01/2019 VND |
|---|-----------------------|----------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                        |                       |                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (i) | 80.976.000.000        | -              |
| Khách hàng lẻ                             | 88.029.400            | -              |
| <b>Cộng</b>                               | <b>81.064.029.400</b> | <b>-</b>       |
| <b>b. Dài hạn</b>                         |                       |                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (i) | -                     | 80.976.000.000 |

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. Đây là số tiền Công ty nhận trước từ giao dịch chuyển nhượng này. Ngày 10 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

|                            | 01/01/2019<br>VND    | Số phải nộp<br>trong năm<br>VND | Số đã thực nộp<br>trong năm<br>VND | 31/12/2019<br>VND  |
|----------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| <b>a. Phải thu</b>         |                      |                                 |                                    |                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                    | -                               | 9.682.969.958                      | 9.682.969.958      |
| <b>b. Phải trả</b>         |                      |                                 |                                    |                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.058.325.630        | 3.283.277.649                   | 12.341.603.279                     | -                  |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 42.460.037           | 1.026.277.854                   | 946.455.058                        | 122.282.833        |
| Thuế tài nguyên            | 10.903.460           | 61.774.510                      | 68.342.230                         | 4.335.740          |
| Phí bảo vệ môi trường      | 378.558.027          | 4.908.784.006                   | 4.847.553.369                      | 439.788.664        |
| Các loại thuế, phí khác    | 262.762.500          | 3.000.000                       | 265.762.500                        | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>9.753.009.654</b> | <b>9.283.114.019</b>            | <b>18.469.716.436</b>              | <b>566.407.237</b> |

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

|   | 31/12/2019<br>VND     | 01/01/2019<br>VND     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                                 | 11.975.023.964        | 12.481.784.907        |
| Chi phí quản lý, vận hành, bảo trì Dự án Cù Chi | 1.925.000.000         | 1.313.500.087         |
| Các khoản trích trước khác                      | 1.540.311.353         | 725.484.701           |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>15.440.335.317</b> | <b>14.520.769.695</b> |
| <i>Trong đó, phải trả với bên liên quan</i>     |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á      | -                     | 708.500.087           |

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

|  | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Khoản hỗ trợ từ Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (i) | -                 | 200.000.000.008   |

(i) Doanh thu chưa thực hiện là khoản hỗ trợ không hoàn lại của Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

Khoản hỗ trợ được phân bổ vào thu nhập khác trong vòng 3 năm kể từ năm 2017. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản hỗ trợ này đã được phân bổ hết, (xem thêm tại thuyết minh 5.27).

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.18 Phái trả khác**

|  | 31/12/2019                    | 01/01/2019                    |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
|  | VND                           | VND                           |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                               |                               |                               |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát       | 835.289.000                   | 833.789.000                   |
| Phái trả tiền lãi khoản hỗ trợ vốn               | 43.000.000                    | -                             |
| Phái trả ngắn hạn khác                           | <u>617.362.669</u>            | <u>165.837.618</u>            |
| <b>Cộng</b>                                      | <u><b>1.495.651.669</b></u>   | <u><b>999.626.618</b></u>     |
| <b>b. Dài hạn</b>                                |                               |                               |
| Phái trả vốn hợp tác đầu tư vào Dự án Cù Chi (i) | 630.000.000.000               | 630.000.000.000               |
| Phái trả vốn hợp tác đầu tư (ii)                 | <u>220.000.000.000</u>        | <u>220.000.000.000</u>        |
| <b>Cộng</b>                                      | <u><b>850.000.000.000</b></u> | <u><b>850.000.000.000</b></u> |
| <i>Trong đó, phái trả khác với bên liên quan</i> |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi            | 630.000.000.000               | 630.000.000.000               |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN                 | 220.000.000.000               | 220.000.000.000               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp             | 43.000.000                    | -                             |
| <b>Cộng</b>                                      | <u><b>850.043.000.000</b></u> | <u><b>850.000.000.000</b></u> |

(i) Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Cù Chi, dự án như đã trình bày tại Thuyết minh 5.11. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia Dự án. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại Dự án cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi vận hành và hoạt động khi Dự án được hoàn thành và nghiệm thu toàn bộ. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

(ii) Đây là khoản vốn hợp tác đầu tư Công ty nhận được theo hợp đồng ký ngày 3 tháng 1 năm 2017 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|   | 31/12/2019             |  | Phát sinh trong năm    |                       | 01/01/2019             |  |
|---|------------------------|--|------------------------|-----------------------|------------------------|--|
|   | Nợ gốc<br>VND          | Giá trị có khả<br>năng thanh toán<br>VND | Tăng<br>VND            | Giảm<br>VND           | Nợ gốc<br>VND          | Giá trị có khả<br>năng thanh toán<br>VND |
| <b>Khoản vay bên liên quan</b>  |                        |  |                        |                       |                        |  |
| Công ty CII   | 55.800.000.000         | 55.800.000.000                           | 95.800.000.000         | 40.000.000.000        | -                      | -  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nước<br>Tân Hiệp                                 | 25.800.000.000         | 25.800.000.000                           | 25.800.000.000         |                       | -                      | -  |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài<br>Gòn Đan Kia                             | 2.500.000.000          | 2.500.000.000                            | 2.500.000.000          |                       | -                      | -  |
| <b>Khoản vay các bên khác</b>   |                        |  |                        |                       |                        |  |
| Các khoản vay và nợ dài hạn đến<br>hạn trả ( <i>xem thuyết minh b</i> ) | 32.250.000.000         | 32.250.000.000                           | -                      | -                     | 17.120.000.000         | 17.120.000.000                           |
| Trái phiếu đến hạn ( <i>xem thuyết<br/>minh b</i> )                     | 84.240.700.000         | 85.000.000.000                           | -                      | -                     | 85.000.000.000         | 85.000.000.000                           |
| <b>Cộng</b>   | <b>200.590.700.000</b> | <b>201.350.000.000</b>                   | <b>124.100.000.000</b> | <b>40.000.000.000</b> | <b>102.120.000.000</b> | <b>102.120.000.000</b>                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|   | 31/12/2019             |  | Phát sinh trong năm |                        | 01/01/2019             |  |
|---|------------------------|--|---------------------|------------------------|------------------------|--|
|   | Nợ gốc<br>VND          | Giá trị có khả<br>năng thanh toán<br>VND | Tăng<br>VND         | Giảm<br>VND            | Nợ gốc<br>VND          | Giá trị có khả<br>năng thanh toán<br>VND |
| <b>Vay Ngân hàng</b>  |                        |  |                     |                        |                        |  |
| Ngân hàng TMCP Công thương<br>Việt Nam - Chi nhánh 11                             | 651.667.606.012        | 651.667.606.012                          | -                   | 20.205.765.253         | 671.873.371.265        | 671.873.371.265                          |
| <b>Cộng</b>   | <u>651.667.606.012</u> | <u>651.667.606.012</u>                   |                     | <u>20.205.765.253</u>  | <u>671.873.371.265</u> | <u>671.873.371.265</u>                   |
| Trừ: Các khoản vay và nợ dài<br>hạn phải trả trong vòng 12 tháng                  | (32.250.000.000)       | (32.250.000.000)                         |                     |                        | (17.120.000.000)       | (17.120.000.000)                         |
| <b>Cộng</b>   | <u>619.417.606.012</u> | <u>619.417.606.012</u>                   |                     |                        | <u>654.753.371.265</u> | <u>654.753.371.265</u>                   |
| <b>Trái phiếu</b>   |                        |  |                     |                        |                        |  |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt<br>Nam (VIB) - Chi nhánh Thành<br>phố Hồ Chí Minh (i) | 170.000.000.000        | 170.000.000.000                          | -                   | 85.000.000.000         | 255.000.000.000        | 255.000.000.000                          |
| Chi phí phát hành   | (1.518.600.005)        |  | -                   | 759.300.000            | (2.277.900.005)        |  |
| <b>Cộng</b>   | <u>168.481.399.995</u> | <u>170.000.000.000</u>                   |                     | <u>85.759.300.000</u>  | <u>252.722.099.995</u> | <u>255.000.000.000</u>                   |
| Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả<br>trong vòng 12 tháng                            | (85.000.000.000)       | (85.000.000.000)                         |                     |                        | (85.000.000.000)       | (85.000.000.000)                         |
| <b>Cộng: Chi phí phát hành trái<br/>phiếu kết chuyển trong 12 tháng</b>           | <u>759.300.000</u>     |  |                     |                        | <u>-</u>               | <u>-</u>                                 |
| <b>Cộng</b>   | <u>84.240.699.995</u>  | <u>85.000.000.000</u>                    |                     |                        | <u>167.722.099.995</u> | <u>170.000.000.000</u>                   |
| <b>Tổng cộng</b>  | <u>703.658.306.007</u> | <u>704.417.606.012</u>                   | <u>-</u>            | <u>105.965.065.253</u> | <u>822.475.471.260</u> | <u>822.475.471.260</u>                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

| Bên cho vay                                      | Số dư                              | Thời hạn vay           | Ngày đáo hạn             | Lãi suất vay  | Mục đích vay  | Tài sản đảm bảo  |
|--|------------------------------------|------------------------|--------------------------|---|---|--|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 11 | 485.247.939.474<br>166.419.666.538 | 126 tháng<br>180 tháng | 06/04/2026<br>28/06/2032 | Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,3% và 9,8% theo từng kế ước | Phục vụ cho Dự án Cù Chi                                  | Toàn bộ tài sản của Dự án Cù Chi, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của Dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của Dự án. |
| Công ty CII                                      | 55.800.000.000                     | 12 tháng               | 23/05/2020               | Lãi suất trong kỳ cố định 10%/năm                           | Thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu và bổ sung vốn lưu động | Khoản vay không có tài sản đảm bảo.  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp             | 25.800.000.000                     | 3 tháng                | 26/03/2020               | Lãi suất trong kỳ cố định 1%/tháng                          | Thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu                       | Khoản vay không có tài sản đảm bảo.  |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia         | 2.500.000.000                      | 12 tháng               | 19/12/2020               | Lãi suất trong kỳ cố định 0%/năm                            | Bổ sung vốn lưu động                                      | Khoản vay không có tài sản đảm bảo.  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)****Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành***(i) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 Dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng đã được sử dụng để góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con, công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

|   | Số lượng<br>cổ phần | Giá trị<br>VND         |
|---|---------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi     | 32.117.400          | 321.174.000.000        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp      | 10.320.000          | 103.200.000.000        |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai    | 9.180.000           | 91.800.000.000         |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa  | 9.000.000           | 90.000.000.000         |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | 4.950.000           | 49.500.000.000         |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro           | 25.500              | 2.550.000.000          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>65.592.900</b>   | <b>658.224.000.000</b> |

Các khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11 được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                      | 31/12/2019<br>VND       | 01/01/2019<br>VND       |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Trong vòng một năm                   | 32.250.000.000          | 17.120.000.000          |
| Trong năm thứ hai                    | 54.180.000.000          | 34.250.000.000          |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm        | 258.380.000.000         | 211.120.000.000         |
| Sau năm năm                          | 306.857.606.012         | 409.383.371.265         |
|                                      | <b>651.667.606.012</b>  | <b>671.873.371.265</b>  |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | <b>(32.250.000.000)</b> | <b>(17.120.000.000)</b> |
| <b>Cộng</b>                          | <b>619.417.606.012</b>  | <b>654.753.371.265</b>  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

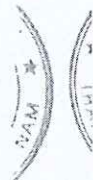
Mẫu số B 09 - DN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|   | 31/12/2019             | 01/01/2019             |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| Trong vòng một năm  | 85.000.000.000         | 85.000.000.000         |
| Trong năm thứ hai   | 85.000.000.000         | 85.000.000.000         |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm                                     | -                      | 85.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>170.000.000.000</b> | <b>255.000.000.000</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng                              | (85.000.000.000)       | (85.000.000.000)       |
| Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*) | (759.300.005)          | (2.277.900.005)        |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>                                   | <b>84.240.699.995</b>  | <b>167.722.099.995</b> |

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Cộng<br>VND       |
|---|-------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|-------------------|
| Tại ngày 01/01/2018                     | 645.160.000.000                     | 162.330.434.000                | 9.967.111.246                   | 216.005.293.802                             | 1.033.462.839.048 |
| Lợi nhuận trong năm                     | -                                   | -                              | -                               | 47.650.296.949                              | 47.650.296.949    |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển         | -                                   | -                              | 1.939.364.788                   | (1.939.364.788)                             | -                 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi     | -                                   | -                              | -                               | (1.939.364.788)                             | (1.939.364.788)   |
| Tại ngày 01/01/2019                     | 645.160.000.000                     | 162.330.434.000                | 11.906.476.034                  | 259.776.861.175                             | 1.079.173.771.209 |
| Lợi nhuận trong năm                     | -                                   | -                              | -                               | 9.790.428.060                               | 9.790.428.060     |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)     | -                                   | -                              | 2.143.641.084                   | (2.143.641.084)                             | -                 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | -                                   | -                              | -                               | (2.143.641.084)                             | (2.143.641.084)   |
| Tại ngày 31/12/2019                     | 645.160.000.000                     | 162.330.434.000                | 14.050.117.118                  | 265.280.007.067                             | 1.086.820.558.185 |

(i) Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

| Tên cổ đông              | 31/12/2019 |                 | 01/01/2019 |                 |
|--------------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|                          | Tỷ lệ (%)  | Giá trị (VND)   | Tỷ lệ (%)  | Giá trị (VND)   |
| Công ty CII              | 50,61%     | 326.547.500.000 | 50,61%     | 326.547.500.000 |
| Vốn góp của cổ đông khác | 49,39%     | 318.612.500.000 | 49,39%     | 318.612.500.000 |
| Cộng                     | 100%       | 645.160.000.000 | 100%       | 645.160.000.000 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.20 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**c. Cổ phiếu**

|  | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|------------|
|  | Cổ phiếu   | Cổ phiếu   |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành          | 64.516.000 | 64.516.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng | 64.516.000 | 64.516.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                  | 64.516.000 | 64.516.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)  | -          | -          |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                  | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành              | 64.516.000 | 64.516.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                  | 64.516.000 | 64.516.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu       |            |            |

**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 4 năm 2019, Công ty không chia cổ tức năm 2018 và không đề cập đến kế hoạch chia cổ tức năm 2019, do đó cổ tức của năm 2019 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định các cổ đông trong cuộc họp thường niên của năm tới.

**5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|   | Năm 2019              | Năm 2018              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| Doanh thu cung cấp nước sạch  | 59.914.979.435        | 44.644.559.536        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 3.104.686.467         | 968.103.366           |
| <b>Cộng</b>   | <b>63.019.665.902</b> | <b>45.612.662.902</b> |
| <i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i> |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á                              | 119.176.458           | 17.321.052            |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro   | 14.073.600            | -                     |
| <b>Cộng</b>   | <b>133.250.058</b>    | <b>17.321.052</b>     |

**5.22 Giá vốn hàng bán**

|                            | Năm 2019               | Năm 2018               |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
|                            | VND                    | VND                    |
| Giá vốn cung cấp nước sạch | 114.907.126.261        | 100.395.734.792        |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ   | 2.150.401.052          | 475.845.399            |
| <b>Cộng</b>                | <b>117.057.527.313</b> | <b>100.871.580.191</b> |

J.N  
 CÔ  
 T  
 I  
 É  
 A  
 V  
 A

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.23 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 23.984.052.000        | 8.182.280.000         |
| Lãi chậm thanh toán         | 12.858.333.975        | 12.858.333.976        |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay  | 4.893.196.049         | 48.188.871.347        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>41.735.582.024</b> | <b>69.229.485.323</b> |

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

|   |                       |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CII                               | 13.065.457.263        | 12.858.333.976        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp      | 10.320.000.000        | -                     |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa  | 6.300.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | 3.330.282.702         | 1.447.048.225         |
| Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê     | 177.153.427           | -                     |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro           | -                     | 38.004.418.956        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>33.192.893.392</b> | <b>52.309.801.157</b> |

**5.24 Chi phí tài chính**

|                                  | Năm 2019<br>VND        | Năm 2018<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                  | 87.823.684.648         | 89.715.369.727        |
| Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư | 49.830.490.570         | 4.994.977.502         |
| Lỗ từ thoái vốn công ty con      | 5.097.918.673          | -                     |
| Chi phí phát hành trái phiếu     | 759.300.000            | 759.299.998           |
| Chi phí tài chính khác           | 11.201.680             | 16.375.146            |
| <b>Cộng</b>                      | <b>143.522.595.571</b> | <b>95.486.022.373</b> |

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

|                                      |                      |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------|
| Công ty CII                          | 3.110.356.164        | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp | 43.000.000           | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>3.153.356.164</b> | <b>-</b> |

**5.25 Chi phí bán hàng**

|                                  | Năm 2019<br>VND      | Năm 2018<br>VND      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên                | 8.011.859.531        | 6.217.058.489        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 346.245.097          | 1.113.007.796        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 329.251.027          | 950.739.583          |
| Các khoản chi phí khác           | 148.739.804          | 400.885.522          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>8.836.095.459</b> | <b>8.681.691.390</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý      | 13,773,744,481        | 18,067,097,472        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ          | 357,478,788           | 304,546,594           |
| Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý | -                     | 5,544,623,868         |
| Các khoản chi phí khác         | 7,626,340,361         | 6,570,573,063         |
| <b>Cộng</b>                    | <b>21,757,563,630</b> | <b>30,486,840,997</b> |

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

|  |                      |                    |
|--|----------------------|--------------------|
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia | 921,966,099          | 456,782,006        |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro                  | 210,000,000          | -                  |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>1,131,966,099</b> | <b>456,782,006</b> |

**5.27 Thu nhập khác**

|  | Năm 2019<br>VND        | Năm 2018<br>VND        |
|--|------------------------|------------------------|
| Phân bổ khoản hỗ trợ của UBND Tp. Hồ Chí Minh (xem thêm tại thuyết minh số 5.17) | 200,000,000,008        | 199,999,999,992        |
| Các khoản thu nhập khác  | 516,698,166            | 33,099,553             |
| <b>Cộng</b>  | <b>200,516,698,174</b> | <b>200,033,099,545</b> |

**5.28 Chi phí khác**

|  | Năm 2019<br>VND      | Năm 2018<br>VND      |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí thực hiện dự án không thể thu hồi    | 988,345,296          | -                    |
| Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế | 3,223,722            | 26,249,410           |
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -                    | 7,599,617,567        |
| Phí tư vấn phát hành cổ phiếu                | -                    | 363,000,000          |
| Các khoản chi phí khác                       | 32,889,400           | 428,145,448          |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>1,024,458,418</b> | <b>8,417,012,425</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  | Năm 2019<br>VND      | Năm 2018<br>VND       |
|--|----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                 | 13.073.705.709       | 70.932.100.394        |
| Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế  |                      |                       |
| Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ | 27.249.722.534       | 53.390.375.832        |
| Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia             | (23.984.052.000)     | (8.182.280.000)       |
| Thu nhập chịu thuế                           | 16.339.376.243       | 116.140.196.226       |
| Lỗi tính thuế mang sang                      | -                    | -                     |
| Thu nhập tính thuế                           | 16.339.376.243       | 116.140.196.226       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp         | 20%                  | 20%                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp          | 3.267.875.249        | 23.228.039.245        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu       | 15.402.400           | 53.764.200            |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>           | <b>3.283.277.649</b> | <b>23.281.803.445</b> |

Tháng 12 năm 2019, Chính phủ đã công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8 của Nghị định 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20") ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và áp dụng dự thảo cho năm tài chính 2019. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các bất cập của NĐ 20, các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Công ty tin tưởng rằng dự thảo sửa đổi chắc chắn sẽ được thông qua. Do đó, Công ty quyết định áp dụng điều khoản sửa đổi này khi xác định lãi vay được trừ khi quyết toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm**

|  | Năm 2019<br>VND | Năm 2018<br>VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | 4.954.538.300   | 4.576.027.695   |

**6.2 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

|  | Năm 2019<br>VND | Năm 2018<br>VND |
|--|-----------------|-----------------|
| <b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>                    |                 |                 |
| Tiền thu từ đi vay các công ty trong cùng tập đoàn         | 124.100.000.000 | -               |
| <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>                |                 |                 |
| Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu theo kế ước thông thường | 105.965.065.253 | 22.299.003.606  |

Trong đó, tiền thu từ đi vay chủ yếu được sử dụng để chi trả cho nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn thanh toán trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN

#### 6.3 Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

##### Các loại công cụ tài chính

|                                      | Giá trị ghi sổ           |                          |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                      | 31/12/2019               | 01/01/2019               |
|                                      | VND                      | VND                      |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                          |                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 6.097.646.180            | 121.405.842.674          |
| Các khoản phải thu về cho vay        | 50.657.499.955           | 27.759.217.253           |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 146.886.941.744          | 196.725.060.943          |
| Đầu tư tài chính dài hạn             | 1.052.782.693.041        | 1.159.103.006.109        |
| <b>Tổng</b>                          | <b>1.256.424.780.920</b> | <b>1.504.993.126.979</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                          |                          |
| Các khoản vay                        | 904.249.006.007          | 924.595.471.260          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 880.172.083.349          | 870.989.931.102          |
| Chi phí phải trả                     | 15.440.335.317           | 14.520.769.695           |
| <b>Tổng</b>                          | <b>1.799.861.424.673</b> | <b>1.810.106.172.057</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng quốc tế.

##### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

##### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN

#### 6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

##### Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

###### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

##### Rủi ro về giá

###### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

##### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CHỖ  
CHỮ  
KÝ  
CHỮ  
HỌ  
TÊN  
A1  
H.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

| Tại 31/12/2019                      | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 - 5 năm<br>VND      | Trên 5 năm<br>VND      | Tổng<br>VND              |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Các khoản vay                       | 200.590.700.000        | 396.800.699.995          | 306.857.606.012        | 904.249.006.007          |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 30.172.083.349         | 630.000.000.000          | 220.000.000.000        | 880.172.083.349          |
| Chi phí phải trả                    | 15.440.335.317         | -                        | -                      | 15.440.335.317           |
| <b>Tổng</b>                         | <b>246.203.118.666</b> | <b>1.026.800.699.995</b> | <b>526.857.606.012</b> | <b>1.799.861.424.673</b> |
| Tại 01/01/2019                      | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 - 5 năm<br>VND      | Trên 5 năm<br>VND      | Tổng<br>VND              |
| Các khoản vay                       | 102.120.000.000        | 413.092.099.995          | 409.383.371.265        | 924.595.471.260          |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 20.989.931.102         | 630.000.000.000          | 220.000.000.000        | 870.989.931.102          |
| Chi phí phải trả                    | 14.520.769.695         | -                        | -                      | 14.520.769.695           |
| <b>Tổng</b>                         | <b>137.630.700.797</b> | <b>1.043.092.099.995</b> | <b>629.383.371.265</b> | <b>1.810.106.172.057</b> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| Tại 31/12/2019                       | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 - 5 năm<br>VND   | Trên 5 năm<br>VND        | Tổng<br>VND              |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 6.097.646.180          | -                     | -                        | 6.097.646.180            |
| Phải thu về cho vay                  | 50.657.499.955         | -                     | -                        | 50.657.499.955           |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 146.648.541.744        | 238.400.000           | -                        | 146.886.941.744          |
| Đầu tư tài chính dài hạn             | -                      | -                     | 1.052.782.693.041        | 1.052.782.693.041        |
| <b>Tổng</b>                          | <b>203.403.687.879</b> | <b>238.400.000</b>    | <b>1.052.782.693.041</b> | <b>1.256.424.780.920</b> |
| Tại 01/01/2019                       | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 - 5 năm<br>VND   | Trên 5 năm<br>VND        | Tổng<br>VND              |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 121.405.842.674        | -                     | -                        | 121.405.842.674          |
| Phải thu về cho vay                  | -                      | 27.759.217.253        | -                        | 27.759.217.253           |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 196.506.660.943        | 218.400.000           | -                        | 196.725.060.943          |
| Đầu tư tài chính dài hạn             | -                      | -                     | 1.159.103.006.109        | 1.159.103.006.109        |
| <b>Tổng</b>                          | <b>317.912.503.617</b> | <b>27.977.617.253</b> | <b>1.159.103.006.109</b> | <b>1.504.993.126.979</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 - DN

**6.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 10 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP theo như hợp đồng đã ký kết trước đó.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 80.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con này giảm từ 51% xuống 49%. Như vậy, Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê chính thức trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày 20 tháng 3 năm 2020.

**6.4 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020*



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

